

Số: 36/2019/QĐST-HNGĐ

Kỳ Anh, ngày 08 tháng 04 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N
Sinh ngày: 21 – 07 – 1994

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T

Sinh ngày: 03 – 01 - 1992

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh .

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

2. Ngân hàng chính sách và xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Khoản 3,4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Khoản 7 Điều 26, Điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 03 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 03 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Đình T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung

Họ và tên: Nguyễn Thị M– Sinh ngày: 20-01-2013

Họ và tên: Nguyễn Đình K– Sinh ngày: 23-10-2015

Giao con chung Nguyễn Đình K cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Tòa án.

Giao con chung Nguyễn Thị M cho chị Nguyễn Thị Thu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Tòa án.

Anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị Thu N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị Thu N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung: Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận về phân chia tài sản chung của vợ chồng cụ thể như sau:

Giao cho anh Nguyễn Đình T sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Thửa đất số 253, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 1041,2m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đình T và Nguyễn Thị Thu N, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00037 do Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 23 – 11 – 2015.

- 01 ngôi nhà mái bằng, diện tích 137m², xây trên thửa đất số 253, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Anh Nguyễn Đình T chủ động làm thủ tục để sang tên, đổi chủ. Chị Nguyễn Thị Thu N sẽ có trách nhiệm cùng với anh Trung để làm thủ tục.

Ngoài các tài sản trên vợ chồng anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị Thu N không còn tài sản nào khác.

Anh Nguyễn Đình T phải đưa lại cho chị Nguyễn Thị Thu N số tiền 103.000.000đ là tiền chênh lệch chia tài sản.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu N, anh Nguyễn Đình T có khoản nợ chung đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng chính sách và xã hội Việt Nam. Các đương sự thỏa thuận anh

Nguyễn Đình T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ chung của anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị Thu N, gồm:

+ Trả cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc 94.997.258 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29 – 03 – 2019 là: 286.293đ. Ngoài ra anh Trung còn phải trả tiền lãi tính từ ngày 29 tháng 03 năm 2019 trên dư nợ số tiền gốc theo lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn 15%/năm, hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng là đến ngày 24 – 7 – 2019.

+ Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc 12.000.000đ cùng tiền lãi tính đến ngày 29 – 03 – 2019 là: 71.013đ (bảy mươi một nghìn không trăm mười ba đồng). Thời hạn vay đến ngày 05 – 10 – 2021, lãi suất khoản vay là: 0.75%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu N thỏa thuận nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 2.684.000đ (hai triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng chị Nguyễn Thị Thu N phải nộp: 2.834.000đ (hai triệu tám trăm ba tư nghìn đồng) tiền án phí nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005394 ngày 28 tháng 03 năm 2019. Nay chị Nguyễn Thị Thu N được hoàn trả 266.000đ (hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã N, TX K, tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Văn thư.

THẨM PHÁN

Trần Quang Dũng